

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một số hàng hóa tồn kho lâu ngày là sắt thép, tiêu nguyên liệu và tiêu bán thành phẩm với giá trị khoảng 86,2 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 91,7 tỷ đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" hay không.
- Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho mặt hàng hạt nhựa với giá trị ước tính khoảng 5,3 tỷ đồng. Nếu Công ty hạch toán theo đúng các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC, thì lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2016 của Công ty sẽ giảm đi 5,3 tỷ đồng và khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán trên 3 năm được đảm bảo bởi các tài sản của các khách hàng. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và nhận thấy giá trị trường của các tài sản đảm bảo cao hơn giá trị các khoản phải thu, theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 22 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		501.624.845.639	630.425.918.631
I. Tiền	110		5.494.613.717	130.693.371.751
1. Tiền	111	5	5.494.613.717	130.693.371.751
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	130.000.000	130.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		410.000.000	410.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(280.000.000)	(280.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.401.983.494	190.007.172.772
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	128.897.003.551	152.185.753.153
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	20.404.076.751	20.999.052.526
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9.896.658.596	18.763.680.989
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.266.531.272)	(2.266.531.272)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		470.775.868	325.217.376
IV. Hàng tồn kho	140	11	298.956.968.612	280.695.471.047
1. Hàng tồn kho	141		298.956.968.612	280.695.471.047
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.641.279.816	28.899.903.061
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.760.165	176.885.534
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.164.753.848	23.554.598.518
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	4.424.765.803	5.168.419.009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.741.703.724	116.273.711.517
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.720.257.501	33.410.257.501
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	33.720.257.501	33.410.257.501
II. Tài sản cố định	220		37.238.152.877	25.566.563.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	31.457.349.603	19.724.892.777
- Nguyên giá	222		55.659.279.691	39.967.966.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.201.930.088)	(20.243.073.923)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	5.780.803.274	5.841.670.710
- Nguyên giá	228		6.804.851.502	6.625.851.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.024.048.228)	(784.180.792)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.861.612.975	265.784.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	5.861.612.975	265.784.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	60.740.939.939	55.960.648.709
1. Đầu tư vào công ty con	251		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.919.922.558	9.919.922.558
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(84.178.982.619)	(88.959.273.849)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.180.740.432	1.070.457.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.180.740.432	1.070.457.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		640.366.549.363	746.699.630.148

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		446.516.363.992	561.201.249.295
I. Nợ ngắn hạn	310		431.540.166.148	561.201.249.295
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	18.859.201.477	31.880.644.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	6.411.026.471	11.273.982.124
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	849.632.112	600.419.452
4. Phải trả người lao động	314		328.883.900	5.284.005
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		222.651.474	396.813.946
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.695.891.375	3.988.724.328
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	398.156.389.859	512.949.891.566
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.489.480	105.489.480
II. Nợ dài hạn	330		14.976.197.844	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.698.707.666	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	13.277.490.178	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	193.850.185.371	185.498.380.853
I. Vốn chủ sở hữu	410		193.850.185.371	185.498.380.853
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	151.993.450.000	151.993.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.993.450.000	151.993.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	55.634.688.169	55.634.688.169
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(12.425.734.109)	(12.425.734.109)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	8.036.450.868	8.036.450.868
5. (Lỗ) lũy kế	421	20	(9.388.669.557)	(17.740.474.075)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.740.474.075)	(11.584.347.367)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		8.351.804.518	(6.156.126.708)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		640.366.549.363	746.699.630.148

[Signature]

[Signature]



Trần Lê Phong
Người lập biểu

Nguyễn Minh Quang
Phụ trách Phòng Kế toán
Tài chính

Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	22	2.402.531.342.917	3.218.194.003.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	2.645.830.001	32.938.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	22	2.399.885.512.916	3.218.161.064.376
4. Giá vốn hàng bán	11	23	2.315.061.786.271	3.107.298.997.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		84.823.726.645	110.862.066.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.010.426.288	19.204.424.161
7. Chi phí tài chính	22	26	29.800.101.480	63.950.665.789
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.908.450.026	18.998.445.088
8. Chi phí bán hàng	25		49.772.170.419	58.893.662.737
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.973.114.851	13.480.852.711
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.288.766.183	(6.258.690.161)
11. Thu nhập khác	31		2.154.602.859	271.732.555
12. Chi phí khác	32		91.564.524	169.169.102
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.063.038.335	102.563.453
14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.351.804.518	(6.156.126.708)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.351.804.518	(6.156.126.708)



Trần Lê Phong
Người lập biểu



Nguyễn Minh Quang
Phụ trách Phòng Kế toán
Tài chính



Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	8.351.804.518	(6.156.126.708)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.198.723.601	4.382.842.401
Các khoản dự phòng	03	(4.780.291.230)	9.033.269.369
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.537.463.385	81.400.439
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.680.683.914)	(8.494.271.439)
Chi phí lãi vay	06	27.908.450.026	18.998.445.088
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.535.466.386	17.845.559.150
Thay đổi các khoản phải thu	09	20.209.057.701	(53.102.110.294)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(18.261.497.565)	(60.751.043.379)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(15.248.388.657)	(39.498.016.716)
Thay đổi chi phí trả trước	12	14.842.757	(344.611.393)
Tiền lãi vay đã trả	14	(28.082.612.498)	(18.727.936.818)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(89.000.000)	(73.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.922.131.876)	(154.651.559.450)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.196.736.784)	(3.887.290.454)
2. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	28.322.360
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.837.883.103	5.150.933.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.358.853.681)	1.291.964.996
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.390.671.368.503	3.326.900.898.221
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.494.086.731.371)	(3.100.260.501.275)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.758.196)	(800.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(103.445.121.064)	226.639.596.711
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(125.726.106.621)	73.280.002.257
Tiền đầu năm	60	130.693.371.751	57.588.566.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	527.248.587	(175.196.849)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.494.613.717	130.693.371.751

Trần Lê Phong
Người lập biểu

Nguyễn Minh Quang
Phụ trách Phòng Kế toán
Tài chính

Hà Huy Thăng
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PIT.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 52,67% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 79 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 90).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông - lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, quặng kim loại, kim loại màu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- ...

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	TP. Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni...
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông-lâm-thủy-hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại màu

Công ty có 01 chi nhánh là Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại số 577/E, tổ 5, ấp 3, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con trong một báo cáo khác.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên việc áp dụng này không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với hoạt động thương mại, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Đối với hoạt động sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 9,4 tỷ đồng, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	40.791.901	102.396.144
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.453.821.816	130.590.975.607
	5.494.613.717	130.693.371.751

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Âu Lạc	410.000.000	280.000.000	410.000.000	280.000.000
	410.000.000	280.000.000	410.000.000	280.000.000
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	120.000.000.000	82.254.364.462	120.000.000.000	88.959.273.849
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	1.924.618.157	15.000.000.000	-
	135.000.000.000	84.178.982.619	135.000.000.000	88.959.273.849
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	6.300.000.000	-	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	-	3.619.922.558	-
	9.919.922.558	-	9.919.922.558	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Khách hàng trong nước	54.303.902.159	51.133.298.596
Công ty TNHH Thương mại Thép Đại Kim	27.726.461.389	-
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á	9.538.272.918	9.603.272.918
Các khách hàng trong nước khác	17.039.167.852	41.530.025.678
Khách hàng nước ngoài	50.290.608.355	89.742.221.515
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	24.302.493.037	11.310.233.042
	128.897.003.551	152.185.753.153

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Công ty Brand Building Consulting LLC	1.816.435.000	1.642.600.000
Các đối tượng khác	12.060.102.125	3.667.161.422
Trả trước ngắn hạn cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	6.527.539.626	15.689.291.104
	20.404.076.751	20.999.052.526

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	593.000.000	8.800.000.000
Tạm ứng	5.602.495.090	5.316.413.297
Phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	2.773.077.107	3.930.276.296
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng	331.235.902	331.235.902
Phải thu khác	596.850.497	385.755.494
	9.896.658.596	18.763.680.989
b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (i)	33.410.257.501	33.410.257.501
- Ký cược, ký quỹ	310.000.000	-
	33.720.257.501	33.410.257.501

- (i) Khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex - Công ty con của Công ty, bao gồm gốc và lãi của khoản vay dài hạn mà Công ty đã trả hộ cho Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex trong năm 2014. Công ty đã cam kết không thu hồi lại khoản vay này trong khoảng thời gian 5 năm kể từ ngày thanh toán theo Công văn số 75/CV-TGD ngày 31 tháng 12 năm 2016.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Công ty Cổ phần Sắt thép Đông Á (i)	9.538.272.918	9.538.272.918	Trên 3 năm	9.603.272.918	9.603.272.918	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ thương mại Vạn Vạn Thông (i)	3.500.000.000	3.500.000.000	Trên 3 năm	3.500.000.000	3.500.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thép Mới (i)	2.360.286.431	790.155.159	Trên 3 năm	2.360.286.431	790.155.159	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đông Á (i)	960.621.809	960.621.809	Trên 3 năm	960.621.809	960.621.809	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Diễm Thành	696.400.000	-	Trên 3 năm	696.400.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hoàng Thảo	454.453.800	454.453.800	Trên 3 năm	559.438.800	559.438.800	Trên 3 năm
	17.510.034.958	15.243.503.686		17.680.019.958	15.413.488.686	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

- (i) Các khoản phải thu này được đảm bảo bởi các tài sản của các khách hàng. Ban Giám đốc đã xem xét và nhận thấy giá trị thị trường của các tài sản thế chấp cao hơn giá trị các khoản phải thu chưa được thu hồi, theo đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	23.077.502.430	-	24.103.488.227	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.644.030.524	-	13.247.377.911	-
Công cụ, dụng cụ	186.664.102	-	202.383.818	-
Thành phẩm	60.806.198.185	-	30.991.724.697	-
Hàng hoá	183.932.118.151	-	210.840.041.174	-
Hàng hóa bất động sản	1.310.455.220	-	1.310.455.220	-
Cộng	298.956.968.612	-	280.695.471.047	-

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	16.590.961.355	19.406.117.863	3.155.703.977	815.183.505	39.967.966.700
Tăng trong năm	15.691.312.991	-	-	-	15.691.312.991
Số dư cuối năm	32.282.274.346	19.406.117.863	3.155.703.977	815.183.505	55.659.279.691
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.016.116.473	6.923.996.707	2.658.222.166	644.738.577	20.243.073.923
Trích khấu hao trong năm	1.622.077.505	2.131.616.380	102.927.276	102.235.004	3.958.856.165
Số dư cuối năm	11.638.193.978	9.055.613.087	2.761.149.442	746.973.581	24.201.930.088
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	20.644.080.368	10.350.504.776	394.554.535	68.209.924	31.457.349.603
Tại ngày đầu năm	6.574.844.882	12.482.121.156	497.481.811	170.444.928	19.724.892.777

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.578.578.582 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.140.847.128 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp nhà văn phòng và nhà kho tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 874.509.769 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.735.602.906 đồng). Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thế chấp nhà máy chế biến gia vị chất lượng cao hoàn thành vào ngày 30 tháng 11 năm 2016 để đảm bảo cho khoản tiền vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 14.958.877.366 đồng.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm	Tổng cộng VND
		máy tính VND	
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	5.771.373.002	854.478.500	6.625.851.502
Tăng trong năm	-	179.000.000	179.000.000
Số dư cuối năm	5.771.373.002	1.033.478.500	6.804.851.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	174.949.458	609.231.334	784.180.792
Trích khấu hao trong năm	104.969.676	134.897.760	239.867.436
Số dư cuối năm	279.919.134	744.129.094	1.024.048.228
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	5.491.453.868	289.349.406	5.780.803.274
Tại ngày đầu năm	5.596.423.544	245.247.166	5.841.670.710

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.624.209.640 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 419.017.500 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.205.192.140 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.205.192.140 đồng).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu phản ánh chi phí đầu tư, lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị dây chuyền xay tiêu của nhà máy chế biến gia vị chất lượng cao.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	724.432.001	13.819.095.454	14.543.527.455	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	724.432.001	13.819.095.454	14.543.527.455	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	79.973.619	1.164.011.315	1.164.011.315	79.973.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.270.207.527	-	-	4.270.207.527
Các loại thuế khác	93.805.862	277.440.025	296.661.230	74.584.657
Thuế thu nhập cá nhân	93.805.862	277.440.025	296.661.230	74.584.657
Cộng	5.168.419.009	15.260.546.794	16.004.200.000	4.424.765.803
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	99.937.961	2.136.965.155	2.113.711.184	123.191.932
- Thuế GTGT đầu ra	99.937.961	2.136.965.155	2.113.711.184	123.191.932
Thuế nhập khẩu	499.922.491	6.932.031.886	6.705.823.197	726.131.180
Các loại thuế khác	559.000	8.754.432	9.004.432	309.000
Thuế thu nhập cá nhân	559.000	8.754.432	9.004.432	309.000
Cộng	600.419.452	9.077.751.473	8.828.538.813	849.632.112

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.396.805.477	18.396.805.477	31.225.199.010	31.225.199.010
Công ty Emisteeel Fze	6.626.793.062	6.626.793.062	5.398.942.823	5.398.942.823
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28	3.441.000.000	3.441.000.000	795.620.000	795.620.000
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ Á châu	2.508.063.525	2.508.063.525	-	-
Công ty KOMAS	1.612.283.108	1.612.283.108	-	-
Công ty TNHH MTV Huyện Trang	-	-	10.683.450.468	10.683.450.468
Công ty Cổ phần Dầu khí Ninh Bình	-	-	3.970.611.330	3.970.611.330
Công ty Intexport Steel	-	-	3.183.457.950	3.183.457.950
Công ty D&S GLOBAL LIMITED	-	-	2.467.322.617	2.467.322.617
Các nhà cung cấp khác	4.208.665.782	4.208.665.782	4.725.793.822	4.725.793.822
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	462.396.000	462.396.000	655.445.384	655.445.384
	18.859.201.477	18.859.201.477	31.880.644.394	31.880.644.394

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Thép không gỉ Vĩnh Phát	2.250.762.041	1.132.364.494
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Phúc Nhật Tiến	2.062.648.286	1.563.277.088
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Kim Long	977.991.722	-
Công ty Unistel - Công ty con của CDS Monarch	-	3.305.827.844
Các đối tượng khác	1.119.624.422	5.272.512.698
	6.411.026.471	11.273.982.124

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Các khoản phải trả khác ngắn hạn		
Tạm giữ tiền của nhân viên kinh doanh	-	1.472.100.000
Khách hàng đặt cọc mua nhà	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức phải trả	493.929.819	523.688.015
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	3.282.889.670	-
Phải trả khác	300.354.312	491.218.739
b. Các khoản phải trả ngắn hạn các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	508.717.574	501.717.574
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Sơn	1.110.000.000	-
	6.695.891.375	3.988.724.328

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (i)	328.451.740.420	328.451.740.420	819.627.308.656	1.021.686.928.370	126.392.120.706	126.392.120.706
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	120.170.827.660	120.170.827.660	744.060.608.984	814.461.674.783	49.769.761.861	49.769.761.861
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	39.187.773.219	39.187.773.219	760.317.800.230	602.997.942.852	196.507.630.597	196.507.630.597
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iv)	25.139.550.267	25.139.550.267	55.287.511.794	54.940.185.366	25.486.876.695	25.486.876.695
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (v)	-	-	13.277.490.178	-	13.277.490.178	13.277.490.178
Cộng	512.949.891.566	512.949.891.566	2.392.570.719.842	2.494.086.731.371	411.433.880.037	411.433.880.037

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 01/441.0151/2015/SDHDTD ngày 22 tháng 10 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng, có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22 tháng 10 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/CV-0108/KH/13NH ngày 01 tháng 11 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 325 tỷ đồng, có hiệu lực đến hết ngày 19 tháng 10 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn trên bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn và tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà văn phòng và nhà kho Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 6, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 12.400 m², tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị sản xuất sản của Công ty TNHH Một thành viên Sơn Petrolimex, công ty con của Công ty tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 27, khu Công nghiệp Vietship II, xã Hòa Phú, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 16.2370093/2016-HBTDHM/NHCT900-PITCO ngày 22 tháng 6 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (trừ hoạt động kinh doanh sắt thép và hạt nhựa). Khoản vay không có tài sản đảm bảo, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là hàng tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế có nguồn gốc từ khoản vay với giá trị tại mọi thời điểm không thấp hơn số dư tín dụng cấp cho Công ty.

- (iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 319/2016/6889016/HĐTD ngày 04 tháng 4 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng có thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0002/KHDN2/16CD ngày 26 tháng 01 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 21.004.000.000 đồng và mức lãi suất là 7%/năm có hiệu lực 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để đầu tư hệ thống nhà xưởng và máy móc thiết bị của Nhà máy Chế biến gia vị chất lượng cao. Các tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn dài trên bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ vốn tự có và vốn vay thuộc Dự án bao gồm:
- Nhà xưởng, nhà kho và các công trình phụ trợ khác, có giá trị tạm tính 17.623.917.540 đồng. Máy móc thiết bị, có giá trị tạm tính 10.334.799.000 đồng.
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 98, tờ bản đồ số 6. xã Hối Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nhà xưởng cũ) đang bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính của Bên vay tại Bên cho vay.
 - Các biện pháp đảm bảo khác theo yêu cầu của Bên cho vay.

Khoản vay dài hạn này được ngân hàng ân hạn trả nợ gốc 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, việc thanh toán nợ gốc sẽ được tiến hành 6 tháng 1 lần bắt đầu từ khi kết thúc thời gian ân hạn. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay đang trong giai đoạn ân hạn.



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	(11.584.347.367)	191.654.507.561
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(6.156.126.708)	(6.156.126.708)
Số dư đầu năm nay	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	(17.740.474.075)	185.498.380.853
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.351.804.518	8.351.804.518
Số dư cuối năm nay	151.993.450.000	55.634.688.169	(12.425.734.109)	8.036.450.868	(9.388.669.557)	193.850.185.371

Cổ phiếu:

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	Cổ phần	15.199.345	15.199.345
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>15.199.345</i>	<i>15.199.345</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	Cổ phần	989.120	989.120
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>989.120</i>	<i>989.120</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	14.210.225	14.210.225
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>14.210.225</i>	<i>14.210.225</i>
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

Chi tiết vốn điều lệ đã góp của các cổ đông như sau:

	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày Số cuối năm VND	Vốn góp tại ngày Số đầu năm VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	52,67%	80.056.110.000	80.056.110.000
Các cổ đông khác	47,33%	71.937.340.000	71.937.340.000
	100%	151.993.450.000	151.993.450.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	4.851.384.265	4.851.384.265
Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ	USD	98.567	5.383.406
- Euro	EUR	651	662

22. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	1.712.568.913.889	2.310.122.232.234
Doanh thu bán hàng nội địa	689.962.429.028	908.071.771.022
	2.402.531.342.917	3.218.194.003.256
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Giảm giá hàng bán	61.257.580	32.938.880
b. Hàng bán bị trả lại	2.584.572.421	-
	2.645.830.001	32.938.880
Doanh thu thuần về bán hàng	2.399.885.512.916	3.218.161.064.376
Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	119.748.779.478	122.002.149.443

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng xuất khẩu	1.643.253.961.682	2.231.111.971.506
Giá vốn bán hàng nội địa	671.807.824.589	876.187.025.955
	2.315.061.786.271	3.107.298.997.461

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	663.235.485	761.029.318
Chi phí nhân công	16.937.693.453	15.584.449.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.198.723.601	4.382.842.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.071.624.009	58.882.967.354
Chi phí khác bằng tiền	1.867.408.760	651.022.704
	66.738.685.308	80.262.310.814

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	69.401.599	2.077.634.488
Cổ tức, lợi nhuận được chia	545.955.422	1.929.805.603
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.329.742.374	10.739.471.126
Lãi trả chậm	3.065.326.893	4.457.511.640
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.304
	10.010.426.288	19.204.424.161

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.908.450.026	18.998.445.088
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.780.291.230)	9.389.269.369
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.671.942.684	35.562.236.880
Chi phí tài chính khác	-	714.452
	29.800.101.480	63.950.665.789

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	8.351.804.518	(6.156.126.708)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	545.955.422	2.431.523.177
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	545.955.422	2.431.523.177
Cộng:	(7.805.849.096)	850.697.479
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	217.652.264	850.697.479
<i>Chuyển lỗ</i>	(8.023.501.360)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(7.736.952.406)
Thuế suất thông thường	20%	22%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

28. CÁC CAM KẾT KHÁC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có thực hiện bảo lãnh vay vốn cho các khoản vay của các công ty con tại một số ngân hàng. Cụ thể như sau:

- Chứng thư bảo lãnh vay vốn số 931/2015/PITCO-CV ngày 09 tháng 11 năm 2015 trị giá 25 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh;
- Chứng thư bảo lãnh vay vốn số 86/2017/PITCO-CV ngày 24 tháng 01 năm 2017 trị giá 10 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn;
- Chứng thư bảo lãnh vay vốn trị giá 60 tỷ đồng cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội, Công ty con của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	112.087.971.041	69.195.652.611
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	7.660.808.437	52.801.486.314
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	-	5.010.518
		119.748.779.478	122.002.149.443
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	83.150.909.089	56.537.394.001
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	-	49.654.327.709
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	-	16.912.494.709
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	11.884.230.370	11.269.099.771
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Thành viên của Petrolimex	4.602.052.509	8.405.305.990
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	801.594.440	3.197.571.490
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	221.579.657	-
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	6.104.112	-
		100.666.470.177	145.976.193.670
Lãi trả chậm			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	3.065.326.893	4.457.511.640
		3.065.326.893	4.457.511.640
Lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	-	1.378.659.011
		-	1.378.659.011
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.186.373.900	1.501.709.156

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	19.180.588.434	11.293.175.474
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Công ty con	5.116.393.033	11.545.998
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	5.511.570	5.511.570
		24.302.493.037	11.310.233.042
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	6.475.407.322	15.614.709.671
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	Thành viên của Petrolimex	52.132.304	52.132.304
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	Thành viên của Petrolimex	-	22.449.129
		6.527.539.626	15.689.291.104
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	2.773.077.107	3.930.276.296

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty con	33.410.257.501	33.410.257.501
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	Thành viên của Petrolimex	417.648.000	655.445.384
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	44.748.000	-
		462.396.000	655.445.384



Trần Lê Phong
Người lập biểu



Nguyễn Minh Quang
Phụ trách Phòng Kế toán
Tài chính



Hà Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2017